

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 817/2019/KDTM-PT  
Ngày: 17/9/2019  
V/v: Tranh chấp hợp đồng góp  
vốn xây dựng.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phong

*Các Thẩm phán:*

Ông Ngô Văn Dũng

Ông Ngô Thanh Nhân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Ngọc Yến – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Hồng Long - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 142/2018/TLPT - KDTM ngày 18/12/2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp vốn xây dựng”.

Do Bản án sơ thẩm số 17/2018/KDTM-ST ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4022/2019/QĐ-PT ngày 05/9/2019 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng B

Địa chỉ: Tầng 16 Cao ốc B, số 706A đường X, phường H, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Đặng Văn B, sinh năm 1967 (có mặt), địa chỉ: 42A Khu phố B, phường P, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Là đại diện theo ủy quyền theo Văn bản ủy quyền ngày 18/1/2019.

*Bị đơn:* Công ty Cổ phần Phát triển N

Địa chỉ: 1489 đường L, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Bà Nguyễn Ngọc Túy L, sinh năm 1981 (có mặt). Là đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 07/8/2019.

*Người kháng cáo:* Công ty Cổ phần Phát triển N.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của Bản án sơ thẩm như sau:***

*Theo Đơn khởi kiện đề ngày 25/4/2017 (Tòa án nhận ngày 26/4/2017) của nguyên đơn - Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng B (sau đây viết tắt là Công ty B), lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm như sau:*

Ngày 23/5/2003, Công ty Cổ phần Phát triển N (sau đây viết tắt là Công ty N) và Công ty Xây dựng và Sản xuất X hiện nay là Công ty B ký kết Hợp đồng số 07/HĐ-NSG.PK3/03 về việc tham gia đầu tư góp vốn xây dựng hạ tầng kỹ thuật chính khu dân cư Phước Kiển (giai đoạn 3) do Công ty N làm chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật chính.

Căn cứ theo Điều 2.3 của hợp đồng nêu trên thì tiến độ góp vốn đợt 1 vào ngày 29/5/2003. Công ty B đã chuyển khoản vào tài khoản của Công ty N tại ngân hàng số tiền là 125.942.000đồng.

Ngày 05/6/2008, Công ty N đã phát hành Văn bản số 169/CV-NSG.08 về việc xin thôi làm nhà đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật chính để thực hiện vai trò nhà đầu tư cấp II.

Ngày 12/11/2009, Công ty B đã phát hành Công văn số 457/CV gửi Công ty N về việc đề nghị sắp xếp lịch họp để hai bên tiến hành thanh lý Hợp đồng số 07/HĐ-NSG.PK3/03 ngày 23/5/2003.

Ngày 14/3/2017, Công ty B tiếp tục phát hành Công văn số 47/CV-BMCC.17 đề nghị thực hiện các thủ tục thanh lý hợp đồng và yêu cầu Công ty N hoàn trả tiền tham gia góp vốn đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật chính khu dân cư Phước Kiển theo Hợp đồng số 07/HĐ-NSG.PK3/03 ngày 23/5/2003.

Ngày 29/3/2017, Công ty N ban hành Công văn số 59/CV-NSG.17 có nội dung đề nghị Công ty B xác nhận chấm dứt công nợ và cùng tiến hành thanh lý hợp đồng số 07/HĐ-NSG.PK3/03 ngày 23/5/2003. Ngày 04/04/2017, Công ty B có văn bản số 68/CV-BMCC.17 không chấp nhận việc chấm dứt công nợ theo đề nghị của Công ty N.

Hiện nay, Công ty N không còn là nhà đầu tư chính như đã nêu trong Hợp đồng số 07/HĐ-NSG.PK3/03 ngày 23/5/2003 nhưng không hoàn trả vốn góp lại cho Công ty B và đề nghị xóa nợ thanh lý hợp đồng là không có căn cứ và gây thiệt hại cho Công ty B.

Vì vậy, Công ty B khởi kiện yêu cầu Công ty N hoàn trả cho Công ty B số tiền góp vốn ký quỹ đợt 1 của Hợp đồng số 07/HĐ-NSG.PK3/03 ngày 23/5/2003 là 125.942.000đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

*Bị đơn - Công ty N có người đại diện hợp pháp là bà Phạm Trà Giang và ông Lê Thành Nhân trình bày trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm:*

Ngày 23/5/2003, Công ty N và Công ty B có ký kết Hợp đồng số 07/HĐ-NSG.PK3/03 như trình bày của nguyên đơn.

Theo khoản 2.2 Điều 2 của hợp đồng nêu trên có quy định: “Đợt 1: ký quỹ 1,5% trên tổng kinh phí... Bên A sử dụng kinh phí vào việc thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư” và Công ty B đã chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Công ty N số tiền ký quỹ là 125.942.000đồng.

Tính đến ngày 20/8/2009 đã thực hiện tổng chi phí chuẩn bị đầu tư dự án là 3,24 tỷ đồng, còn các hợp đồng đang thực hiện dở dang chưa thanh lý. Trong khi tổng số tiền ký quỹ của các nhà đầu tư thành phần tại dự án bao gồm cả Công ty B là 0,99 tỷ đồng. Như vậy, Công ty N đã tạm ứng vốn là 2,25 tỷ đồng để thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư.

Tuy nhiên, ngày 07/12/2010, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Văn bản số 6296/UBND-ĐTMT chấp thuận cho Công ty Cổ phần Q (sau đây viết tắt là Công ty Q) và Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản P (sau đây viết tắt là Công ty P) đầu tư vào dự án Khu dân cư N tại xã P (giai đoạn 3) với vai trò là nhà đầu tư cấp một. Văn bản này còn xác định Công ty Q và Công ty P phải đảm bảo kế thừa quyền và nghĩa vụ đối với các nhà đầu tư thứ cấp trước đây.

Ngày 14/3/2017, Công ty N có nhận văn bản số 47/CV-BMCC.17 của Công ty B đề nghị thanh lý hợp đồng và hoàn trả vốn góp đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật chính khu dân cư theo hợp đồng số 07/HĐ-NSG.PK3/03 ngày 23/5/2003.

Tuy nhiên, đến nay, Công ty N không còn là chủ đầu tư chính của dự án nên việc duy trì hợp đồng là không phù hợp. Khoản chi phí Công ty B ký quỹ với mục đích là thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư đã được Công ty N sử dụng hết và đúng mục đích quy định tại hợp đồng.

Vì vậy, Công ty N đã đề nghị Công ty B chấm dứt công nợ và thanh lý Hợp đồng số 07/HĐ-NSG.PK3/03 ngày 23/5/2003 trên cơ sở nhà đầu tư cấp 1 là Công ty Q và Công ty P đồng ý sử dụng, kế thừa, khi nhà đầu tư cấp 1 hoàn trả lại cho Công ty N khoản kinh phí đầu tư trên thì Công ty N sẽ hoàn trả lại cho Công ty B theo thỏa thuận tại Điều 4 của Hợp số 07/HĐ-NSG.PK3/03 ngày 23/5/2003.

Công ty N không chấp nhận yêu cầu của Công ty B vì Công ty N đã đầu tư đúng mục đích.

*Tại Bản án số 17/2018/KDTM-ST ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:*

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty B về việc đòi Công ty N trả tiền góp vốn xây dựng công trình theo Hợp đồng kinh tế số 07/HD – NSG.PK3/03 ngày 23/5/2003.

Hủy Hợp đồng kinh tế số 07/HĐ – NSG. PKG ngày 23/5/2003 giữa Công ty N với Công ty Xây dựng và Sản xuất X (nay là Công ty B).

Buộc Công ty N có trách nhiệm trả cho Công ty B số tiền 125.942.000đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 19/11/2018, Công ty N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên với lý do là Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ không khách quan, tuyên án trái ngược với thực tế và quy định pháp luật, gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Do vậy, Công ty N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét trình tự tố tụng sơ thẩm và không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

***Tại phiên tòa phúc thẩm:***

*Bị đơn - Công ty N có người đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Ngọc Túy L trình bày:*

Về tố tụng:

Theo hợp đồng hợp tác mà hai bên đang tranh chấp ghi nhận địa chỉ trụ sở chính của Công ty N tại số 29/1 đường N, phường Đ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và nơi thực hiện hợp đồng là dự án tại P, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty B chuyển giao cho Công ty N số tiền ký quỹ là 125.942.000 đồng theo hợp đồng góp vốn theo phương thức chuyển khoản từ số tài khoản của Công ty B tại Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Chợ Lớn, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh đến số tài khoản của Công ty N tại Ngân hàng Phát triển Nông thôn Bến Chương Dương, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 29/5/2003.

Thời điểm mà Công ty B khởi kiện và Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết vụ án thì trụ sở chính của Công ty N theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũng như thực tế hoạt động tại số 29/1 đường N, phường Đ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty N có 02 chi nhánh: 01 chi nhánh tại An Giang và 01 chi nhánh tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, 02 chi nhánh nêu trên không phải là địa chỉ phát sinh và thực hiện hợp đồng mà các bên đang tranh chấp, cũng không phải là địa chỉ theo đơn khởi kiện và theo bản án sơ thẩm.

Đối với các bản đối chiếu công nợ hàng năm 2014 và năm 2015 giữa Công ty N và Công ty B có ghi địa chỉ Công ty N tại Lô C18, Khu biệt thự S, xã B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh như địa chỉ nêu trong đơn khởi kiện. Tuy nhiên, địa chỉ này là địa điểm giao dịch của các kế toán. Các bản đối chiếu công nợ được lập tại trụ sở của Công ty B tại quận Bình Thạnh và nội dung không phải để xác nhận Công ty N còn nợ số tiền ký quỹ mà là để xác định Công ty N đã nhận số tiền ký quỹ của Công ty B.

Do vậy, căn cứ Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Việc Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về thẩm quyền giải quyết vụ án.

Mặt khác, Công ty N không tiếp tục thực hiện dự án theo hợp đồng đã ký với Công ty B là bất khả kháng. Ngày 07/12/2013, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã phát hành Văn bản số 6296/UBND – ĐTMT về việc chấp thuận cho Công ty P và Công ty Q được tiếp tục đầu tư dự án Khu dân cư N (giai đoạn 3) thuộc xã P, huyện Nhà Bè, nội dung văn bản nêu trên có nêu: “... Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản P và Công ty Cổ phần Q phải đảm bảo có kế thừa quyền, nghĩa vụ đối với các nhà đầu tư thứ cấp trước đây”. Do vậy, Công ty N yêu cầu đưa Công ty P và Công ty Q tham gia tố tụng trong vụ án để xác định việc kế thừa quyền, nghĩa vụ

của Công ty P và Công ty Q đối với các nhà đầu tư thứ cấp, trong đó có liên quan đến nghĩa vụ đối với số tiền ký quỹ của Công ty B.

Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Công ty Q và Công ty P tham gia tố tụng trong vụ án để xác định quyền và nghĩa vụ kế thừa của Q và Công ty P là cũng có thiếu sót người tham gia tố tụng trong vụ án.

*Về nội dung:*

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Công ty B, buộc Công ty N hoàn trả số tiền ký quỹ là không đảm bảo quyền lợi của Công ty N, vì Công ty N đã thực hiện đúng hợp đồng hợp tác do hai bên ký kết. Việc thực hiện hợp đồng góp vốn giữa Công ty B và Công ty N được thể hiện qua các hợp đồng mà bị đơn đã ký kết với các pháp nhân khác để thực hiện dự án tại P theo hợp đồng đã ký với Công ty B, như: Hợp đồng đo đạc giữa Công ty N với Công ty Khảo sát và tư vấn xây dựng T ngày 13/9/2006, Hợp đồng kinh tế giữa Công ty N với Công ty CP Tư vấn Xây dựng T ngày 07/12/2006... các tài liệu chứng cứ này đã được bị đơn trình bày và cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm nhưng chưa được xem xét.

Đối với ý kiến của Công ty B cho rằng địa chỉ của Công ty N đăng trên trang vàng, Công ty N không đồng ý vì đây không phải là địa chỉ do Công ty N đăng ký.

Do Bản án sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng về thẩm quyền giải quyết vụ án và chưa xem xét, đánh giá đầy đủ tài liệu chứng cứ về nội dung vụ án nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

*Nguyên đơn - Công ty B có người đại diện hợp pháp là ông Đặng Văn Ba trình bày:*

Theo hợp đồng hợp tác mà hai bên đang tranh chấp ghi nhận địa chỉ trụ sở chính của Công ty N tại số 29/1 đường N, phường Đ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đơn khởi kiện có ghi địa chỉ của bị đơn tại số Lô C18, Khu Biệt thự S, đường N, xã B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong quá trình cung cấp hồ sơ và chứng cứ tại thời điểm khởi kiện (tháng 4 năm 2017), văn phòng làm việc của Công ty N đặt tại Lô C18, Khu Biệt thự S, đường N, xã B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ này được Công ty B thu thập và cung cấp theo bản đối chiếu công nợ hàng năm giữa hai bên, phiếu báo phát của bưu cục mà Công ty B gửi cho Công ty N và các website như: Trang vàng (Yellow Pages; Landtoday; Vinacorp...) cũng thể hiện văn phòng làm việc của Công ty N tại số Lô C18, Khu Biệt thự S, đường N, xã B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty B thừa nhận các bản đối chiếu công nợ giữa hai bên được lập tại trụ sở của Công ty B, nội dung các bản đối chiếu công nợ này xác nhận Công ty N nhận tiền của Công ty B chứ chưa xác nhận công nợ giữa hai bên.

Đối với các Hợp đồng mà Công ty N nêu đã ký kết với các pháp nhân khác để thực hiện dự án tại P theo hợp đồng đã ký với Công ty B thì Công ty B không biết.

Do vậy, Công ty B yêu cầu được giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:*

Về tố tụng: Quá trình từ thụ lý cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự tố tụng; các đương sự đã chấp hành đúng pháp luật và có ủy quyền hợp lệ theo các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đơn kháng cáo của đương sự phù hợp và trong thời hạn kháng cáo.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xét thấy Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là không đúng thẩm quyền.

Ngoài ra, theo Văn bản số 6296/UBND-ĐTMT của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã chấp thuận cho Công ty Q và Công ty P đầu tư vào dự án Khu dân cư (giai đoạn 3) với vai trò là nhà đầu tư cấp một và văn bản này còn xác định Công ty Q và Công ty P phải đảm bảo kế thừa quyền, nghĩa vụ đối với các nhà đầu tư thứ cấp trước đây nên cần phải triệu tập đại diện hợp pháp của Công ty Q và Công ty P để xác định kế thừa quyền, nghĩa vụ của pháp nhân kế thừa tiếp tục thực hiện dự án.

Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, chuyển giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết theo thẩm quyền.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

*[1] Về thủ tục tố tụng:*

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty N thể hiện Công ty đã đăng ký thay đổi đến lần thứ 15 vào ngày 01/8/2019, trong đó:

- Đăng ký lần đầu vào ngày 27/6/1994, mã số doanh nghiệp là 059089.

- Đăng ký thay đổi lần thứ 10 vào ngày 17/10/2013, mã số doanh nghiệp là 0301176800.

Từ đăng ký lần đầu đến lần đăng ký thay đổi thứ 13 vào ngày 07/12/2017, địa chỉ trụ sở chính của Công ty N tại số 29/1 đường N, phường Đ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ lời trình bày của các đương sự và các tài liệu chứng trong hồ sơ thể hiện thời điểm nguyên đơn khởi kiện và Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết vụ án thì trụ sở chính của Công ty N tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định bị đơn có trụ sở chính tại huyện Bình Chánh và xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình

Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh theo điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự là không có căn cứ.

Xét thấy, việc Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm không đúng thẩm quyền là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng.

Mặt khác, tại Văn bản số 6296/UBND – ĐTMT ngày 07/12/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận cho Công ty P và Công ty Q được tiếp tục đầu tư dự án Khu dân cư N (giai đoạn 3) thuộc xã P, huyện Nhà Bè có thể hiện nội dung: “...Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản P và Công ty Cổ phần Q phải đảm bảo có kế thừa quyền, nghĩa vụ đối với các nhà đầu tư thứ cấp trước đây”. Như vậy, xét thấy cần thu thập ý kiến của Công ty P và Công ty Q để xác định việc kế thừa quyền và nghĩa vụ của Công ty P và Công ty Q như nội dung Văn bản số 6296/UBND – ĐTMT ngày 07/12/2013 và ý kiến của phía bị đơn nêu trên.

*[2] Về nội dung:*

Đối với ý kiến của Công ty N trình bày và cung cấp tài liệu chứng cứ là những hợp đồng kinh tế do phía Công ty N ký kết với các pháp nhân khác và cho rằng việc thực hiện nội dung các hợp đồng này là để thực hiện phần hợp đồng đã ký với phía Công ty B nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét. Xét thấy, ý kiến và các tài liệu, chứng cứ do Công ty N trình bày và cung cấp nêu trên cũng cần được xem xét, đánh giá nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

Với nhận định nêu trên, xét thấy yêu cầu kháng cáo của bị đơn và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa phúc thẩm về việc hủy bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét hủy Bản án sơ thẩm số 17/2018/KDTM-ST ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

*Về án phí:*

Đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm; nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Hủy Bản án sơ thẩm số 17/2018/KDTM-ST ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh giữa:

*Nguyên đơn:* Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng B

Địa chỉ: Tầng 16 Cao ốc Bình Minh, số 706A Xa Lộ Hà Nội, phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị đơn:* Công ty Cổ phần Phát triển N

Địa chỉ: Tầng 15 – 16 Tòa nhà IPC, 1489 Nguyễn Văn Linh, phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm: Hoàn trả cho Công ty Cổ phần Phát triển N số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0006224 ngày 19/11/2016 và số tiền 1.700.000đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0006246 ngày 21/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPHCM;
- Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Phong**